Điều 4. Cấm các tổ chức sử dụng điện làm phương tiện bảo vệ khi chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép.

Cấm sử dụng điện làm phương tiện bảo vệ trực tiếp để bảo vệ tài sản cá nhân, bẫy chim, bẫy chuột bảo vệ hoa màu hoặc phục vụ cho mục đích khác gây nguy hiểm cho người, động vật, môi trường sống, gây sự cố làm thiệt hại tài sản nhà nước, tài sản công dân.

Điều 5. Hàng rào bảo vệ phải đảm bảo an toàn, không gây ảnh hưởng tới hoạt động của hệ thống điện, không gây nguy hiểm cho khu vực lân cận và môi trường sống.

Điều 6. Chỉ được phép sử dụng điện làm phương tiện bảo vệ trực tiếp khi có đủ các điều kiện sau:

1. Được cấp có thẩm quyền cho phép:

a) Tổ chức cần sử dụng điện làm phương tiện bảo vệ trực tiếp cho khu vực hoặc đối tượng thuộc lĩnh vực an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội phải được phép của Bộ trưởng Bộ Công an;

b) Tổ chức cần sử dụng điện làm phương tiện bảo vệ trực tiếp cho khu vực hoặc đối tượng thuộc lĩnh vực quốc phòng phải được phép của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng;

c) Các trường hợp khác, tổ chức cần sử dụng điện làm phương tiện bảo vệ trực tiếp cho khu vực hoặc đối tượng cần bảo vệ của đơn vị, phải được phép của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quản lý đơn vị đó.

2. Thiết kế hàng rào bảo vệ phải được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Cơ quan có thẩm quyền duyệt thiết kế do cấp quyết định cho phép sử dụng điện làm phương tiện bảo vệ trực tiếp quy định.

3. Hàng rào bảo vệ phải được thi công đúng thiết kế được duyệt, nghiệm thu đạt yêu cầu.

4. Có rào chắn hoặc hào ngăn cách với khu vực có điện, có biển báo "Khu vực có điện, nguy hiểm chết người" đặt ở nơi dễ thấy.

5. Có quy trình vận hành hệ thống điện sử dụng làm phương tiện bảo vệ trực tiếp và quy trình an toàn điện.

6. Người vận hành hệ thống điện sử dụng làm phương tiện bảo vệ trực tiếp phải được huấn luyện quy trình vận hành, quy trình an toàn, sát hạch đạt yêu cầu mới được đảm nhiệm công việc này.

Điều 7. Mọi tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh Quy định này; nếu vi phạm Quy định này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Các cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành về điện thuộc Bộ Công nghiệp, các địa phương và các cơ quan, ban, ngành liên quan có trách nhiệm phổ biến, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy định này./.

KT. Bộ trưởng Bộ Công nghiệp
Thứ trưởng

HOÀNG TRUNG HẢI

BỘ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG

THÔNG TƯ số 56/2001/TT-BKHCNMT ngày 26/10/2001 hướng dẫn thực hiện việc hợp tác đầu tư với nước ngoài trong hoạt động khoa học và công nghệ theo Nghị định số 06/2000/NĐ-CP ngày 06/3/2000 của Chính phủ.

Căn cứ Nghị định số 22/CP ngày 22 tháng 5

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

năm 1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 06/2000/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2000 của Chính phủ về việc hợp tác đầu tư với nước ngoài trong lĩnh vực khám chữa bệnh, giáo dục đào tạo, nghiên cứu khoa học (sau đây gọi tắt là Nghị định số 06/2000/NĐ-CP);

Căn cứ Nghị định số 24/2000/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2000 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam (sau đây gọi tắt là Nghị định số 24/2000/NĐ-CP);

Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường hướng dẫn thực hiện nội dung hợp tác đầu tư với nước ngoài trong hoạt động khoa học và công nghệ theo Nghị định số 06/2000/NĐ-CP như sau:

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi áp dụng.

Thông tư này hướng dẫn việc hợp tác đầu tư với nước ngoài đối với hoạt động khoa học và công nghệ. Các hoạt động khoa học và công nghệ hợp tác với nước ngoài không vì mục đích lợi nhuận không thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư này.

2. Đối tượng tham gia hợp tác đầu tư.

Các đối tượng sau đây được tham gia hợp tác đầu tư để thành lập Tổ chức khoa học và công nghệ có vốn đầu tư nước ngoài:

a) Viện nghiên cứu, Trung tâm nghiên cứu và các tổ chức khác nghiên cứu về khoa học kỹ thuật, công nghệ, khoa học tự nhiên, khoa học quản lý kinh tế, ngôn ngữ là các đơn vị sự nghiệp khoa học thuộc thành phần kinh tế nhà nước;

b) Viện nghiên cứu, Trung tâm nghiên cứu và các tổ chức khác nghiên cứu về khoa học kỹ thuật, công nghệ, khoa học tự nhiên, khoa học quản lý kinh tế, ngôn ngữ thuộc các thành phần kinh tế khác;

c) Các doanh nghiệp Việt Nam bao gồm các doanh nghiệp được thành lập theo Luật Doanh nghiệp nhà nước, Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã;

d) Người Việt Nam (bao gồm cả người Việt Nam định cư ở nước ngoài);

e) Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài;

f) Nhà đầu tư nước ngoài.

3. Giải thích từ ngữ.

Một số từ ngữ dùng trong Thông tư này được hiểu như sau:

- *Khoa học* là hệ thống tri thức về các hiện tượng, sự vật, quy luật của tự nhiên, xã hội và tư duy.

- *Công nghệ* là tập hợp các phương pháp, quy trình, kỹ năng, bí quyết, công cụ, phương tiện dùng để biến đổi các nguồn lực thành sản phẩm.

- *Hoạt động khoa học và công nghệ* bao gồm nghiên cứu khoa học, nghiên cứu và phát triển công nghệ, dịch vụ khoa học và công nghệ, hoạt động phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất và các hoạt động khác nhằm phát triển khoa học và công nghệ.

- *Nghiên cứu khoa học* là hoạt động phát hiện, tìm hiểu các hiện tượng, sự vật, quy luật của tự nhiên, xã hội và tư duy; sáng tạo các giải pháp nhằm ứng dụng vào thực tiễn. Nghiên cứu khoa học bao gồm nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng.

- *Phát triển công nghệ* là hoạt động nhằm tạo ra và hoàn thiện công nghệ mới, sản phẩm mới. Phát triển công nghệ bao gồm triển khai thực nghiệm và sản xuất thử nghiệm.

- *Triển khai thực nghiệm* là hoạt động ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học để làm thực nghiệm nhằm tạo ra công nghệ mới, sản phẩm mới.

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

- *Sản xuất thử nghiệm* là hoạt động ứng dụng kết quả triển khai thực nghiệm để sản xuất thử ở quy mô nhỏ nhằm hoàn thiện công nghệ mới, sản phẩm mới trước khi đưa vào sản xuất và đời sống.

- *Dịch vụ khoa học và công nghệ* là các hoạt động phục vụ việc nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; các hoạt động liên quan đến sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ; các dịch vụ về thông tin, tư vấn, đào tạo, bồi dưỡng, phổ biến, ứng dụng tri thức khoa học và công nghệ và kinh nghiệm thực tiễn.

- *Nhà đầu tư nước ngoài* là tổ chức kinh tế, cá nhân nước ngoài đầu tư vào Việt Nam.

- *Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài* gồm doanh nghiệp liên doanh, doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài hoạt động ở Việt Nam.

- *Tổ chức khoa học và công nghệ có vốn đầu tư nước ngoài* là các Viện nghiên cứu, Trung tâm nghiên cứu hoặc các cơ sở (trạm, trại, phòng thí nghiệm...) thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ có sử dụng vốn nước ngoài.

4. Chế độ ưu đãi.

Tổ chức khoa học và công nghệ có vốn đầu tư nước ngoài có dự án thuộc Danh mục dự án đặc biệt khuyến khích đầu tư được hưởng các ưu đãi quy định tại Nghị định số 24/2000/NĐ-CP và các ưu đãi khác quy định tại Luật Khoa học và công nghệ và các văn bản thi hành. Trường hợp các ưu đãi theo pháp luật đầu tư nước ngoài và pháp luật khoa học và công nghệ là khác nhau thì Tổ chức khoa học và công nghệ có vốn đầu tư nước ngoài được quyền lựa chọn mức ưu đãi để áp dụng.

II. NỘI DUNG HỢP TÁC ĐẦU TƯ VỚI NƯỚC NGOÀI TRONG HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Việc hợp tác đầu tư với nước ngoài trong hoạt động khoa học và công nghệ theo Thông tư này bao gồm những nội dung sau:

1. Nghiên cứu khoa học hoặc phát triển công nghệ thuộc một trong các lĩnh vực chuyên môn sau:

a) Khoa học tự nhiên;

b) Khoa học kỹ thuật, công nghệ (bao gồm cả lĩnh vực nông nghiệp, y dược học);

c) Khoa học quản lý kinh tế;

d) Ngôn ngữ.

Trong các lĩnh vực trên, không được tiến hành các nội dung phương hại đến an ninh, quốc phòng, thuần phong mỹ tục, trật tự an toàn xã hội, sức khỏe con người, môi trường và các điều cấm khác mà pháp luật Việt Nam quy định.

2. Các dịch vụ khoa học và công nghệ.

III. CÁC HÌNH THỨC HỢP TÁC ĐẦU TƯ VỚI NƯỚC NGOÀI TRONG HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Việc hợp tác đầu tư với nước ngoài trong hoạt động khoa học và công nghệ được tiến hành theo một trong các hình thức sau:

1. Liên doanh: Bên Việt Nam và Bên nước ngoài liên doanh để thành lập các Viện nghiên cứu, Trung tâm nghiên cứu hoặc các cơ sở (trạm, trại, phòng thí nghiệm...) thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ trong các lĩnh vực quy định tại Mục II của Thông tư này.

2. Hợp đồng hợp tác kinh doanh: Bên Việt Nam và Bên nước ngoài hợp tác kinh doanh trên cơ sở hợp đồng để tiến hành hoạt động khoa học và công nghệ trong các lĩnh vực quy định tại Mục II của Thông tư này.

3. Thí điểm hình thức doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài để tiến hành hoạt động khoa học và công nghệ trong các lĩnh vực quy định tại Mục II của Thông tư này.

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 0964 1970

IV. ĐIỀU KIỆN THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

Tổ chức khoa học và công nghệ có vốn đầu tư nước ngoài chỉ được hoạt động sau khi đã được cấp Giấy phép đầu tư.

Dự án về hợp tác đầu tư với nước ngoài trong hoạt động khoa học và công nghệ thuộc dự án nhóm A. Để được cấp Giấy phép đầu tư, ngoài các điều kiện đối với dự án nhóm A thông thường, Tổ chức khoa học và công nghệ có vốn đầu tư nước ngoài còn phải bảo đảm các điều kiện sau:

1. Nội dung hoạt động khoa học và công nghệ là phù hợp với mục tiêu đầu tư và định hướng phát triển khoa học và công nghệ của Nhà nước Việt Nam.

2. Có ít nhất 5 cán bộ nghiên cứu có trình độ đại học - cao đẳng trở lên làm việc theo chế độ chính nhiệm thuộc lĩnh vực được phép hoạt động. Người đứng đầu tổ chức phải có trình độ đại học trở lên thuộc lĩnh vực được phép hoạt động.

3. Có cơ sở vật chất kỹ thuật và trang thiết bị phù hợp với loại hình và quy mô hoạt động khoa học và công nghệ, cụ thể là:

a) Có trụ sở là nơi đặt cơ quan điều hành của Tổ chức khoa học và công nghệ có vốn đầu tư nước ngoài;

b) Có trang thiết bị bảo đảm tiến hành có hiệu quả các hoạt động khoa học và công nghệ thuộc lĩnh vực được phép hoạt động.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Hồ sơ xin cấp Giấy phép đầu tư về hoạt động khoa học và công nghệ.

Hồ sơ xin cấp Giấy phép đầu tư của Tổ chức khoa học và công nghệ có vốn đầu tư nước ngoài bao gồm những tài liệu theo quy định tại Điều 107 Nghị định số 24/2000/NĐ-CP, trong đó Chủ đầu tư cần giải trình rõ các nội dung sau:

a) Mục tiêu, quy mô, lĩnh vực và loại hình hoạt động khoa học và công nghệ;

b) Số lượng và cơ cấu dự kiến các cán bộ nghiên cứu chủ chốt;

a) Cơ sở vật chất kỹ thuật, trang thiết bị;

d) Quyết định của cơ quan quản lý trực tiếp của Bên Việt Nam (nếu Bên Việt Nam tham gia là tổ chức có sử dụng vốn thuộc sở hữu nhà nước) đồng ý tham gia Tổ chức khoa học và công nghệ có vốn đầu tư nước ngoài.

2. Thẩm quyền xác nhận Tổ chức khoa học và công nghệ có vốn đầu tư nước ngoài.

Căn cứ vào Hồ sơ xin cấp Giấy phép đầu tư và các điều kiện thành lập và hoạt động của Tổ chức khoa học và công nghệ có vốn đầu tư nước ngoài quy định trong Thông tư này, Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường có trách nhiệm xác nhận Tổ chức khoa học và công nghệ có vốn đầu tư nước ngoài. Trên cơ sở ý kiến chấp thuận của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Bộ Kế hoạch và Đầu tư quyết định cấp Giấy phép đầu tư cùng với quyết định chế độ ưu đãi cho Tổ chức khoa học và công nghệ có vốn đầu tư nước ngoài và trong thời hạn 3 ngày làm việc sao gửi các quyết định vừa nêu cho Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường để Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ cho Tổ chức khoa học và công nghệ có vốn đầu tư nước ngoài.

VI. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Thông tư này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày ký.

Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời cho Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp hoặc hướng dẫn giải quyết cụ thể./.

Bộ trưởng
Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường

CHU TUẤN NHẠ

TỔNG CỤC ĐỊA CHÍNH

THÔNG TƯ số 1842/2001/TT-TCĐC ngày 01/11/2001 hướng dẫn thi hành Nghị định số 68/2001/NĐ-CP ngày 01/10/2001 của Chính phủ về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai.

Căn cứ Luật Đất đai ngày 14 tháng 7 năm 1993; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai ngày 02 tháng 12 năm 1998; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai ngày 29 tháng 6 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 34/CP ngày 23 tháng 4 năm 1994 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Tổng cục Địa chính;

Căn cứ Nghị định số 68/2001/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2001 của Chính phủ về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai;

Tổng cục Địa chính hướng dẫn việc lập, xét duyệt, quản lý và thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai như sau:

Phần I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Đối tượng, phạm vi áp dụng.

Thông tư này hướng dẫn việc lập, xét duyệt, quản lý và thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai của cả nước; các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh); các huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là cấp huyện); các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã).

Các Bộ, ngành có nhu cầu sử dụng đất phải đăng ký với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để đưa vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai của địa phương.

2. Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai vào mục đích quốc phòng, an ninh do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an chủ trì phối hợp với Tổng cục Địa chính, các Bộ, ngành khác có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập, trình Chính phủ. Việc lập, quản lý và thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai vào mục đích quốc phòng, an ninh do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an quy định.

3. Thẩm quyền lập, thẩm định, xét duyệt, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai:

a) Tổng cục Địa chính:

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan lập quy hoạch sử dụng đất đai, kế hoạch sử dụng đất đai 5 năm của cả nước;

- Tổ chức thẩm định quy hoạch sử dụng đất đai, kế hoạch sử dụng đất đai 5 năm của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an;

- Chỉ đạo việc lập và tổ chức thẩm định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai của cấp tỉnh, cụ thể như sau:

+ Quy hoạch sử dụng đất đai và dự án điều chỉnh, bổ sung quy hoạch sử dụng đất đai;

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com